

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2021
Vv “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu;
2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1079/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Lê Thị H, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Nguyễn T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2020, lời khai có tại hồ sơ và tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phạm Lê Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn T qua thời gian quen nhau tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 3 năm 2006 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên đi sớm về khuya và đánh chị, có lần phải đi Bệnh viện điều trị. Đến năm 2010 anh T còn sử dụng ma túy và bị nghiện ma túy, chị và gia đình khuyên anh T đi cai nhưng anh T không đi và cũng không từ bỏ ma

túy nên đến năm 2014 chị đã đưa hai con về ở tại nhà cha mẹ chị cho đến nay. Trong thời gian chị ở nhà cha mẹ chị thì anh T nhiều lần đến gây sự, có lần cha mẹ chị báo cáo Công an đến làm việc. Nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn T.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn T có hai con chung: Nguyễn Anh Q, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2006 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2009, hai con hiện đang ở với chị. Chị yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản.

- Về nợ chung: Chị và anh Nguyễn T không có nợ chung, không ai nợ chị và anh Nguyễn T.

* Bị đơn anh Nguyễn T đã được tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ quy định tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Lê Thị H. Giao hai con chung: Nguyễn Anh Q, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2006 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Phạm Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là anh Nguyễn T cư trú tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn T đã được niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh T.

[3] Chị Phạm Lê Thị H và anh Nguyễn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 3 năm 2006 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Chị H và anh T sau khi kết hôn chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên đi sớm về khuya và đánh chị H. Đến năm 2010 anh T còn sử dụng ma túy và bị nguyện ma túy, nhưng anh T không đi cai và cũng không từ bỏ ma túy nên đến năm 2014 chị H đã đưa hai con về ở tại nhà cha mẹ chị cho đến nay. Trong thời gian chị H ở nhà cha mẹ chị thì anh T nhiều lần đến gây sự, có lần cha mẹ chị H báo cáo Công an đến làm việc. Như vậy mâu thuẫn giữa chị H và anh T kéo dài liên tục từ khi sau khi kết hôn năm 2006 cho đến hôm nay. Anh T đã được niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa nhưng anh T không đến Tòa trình bày ý kiến và kể từ đó đến nay anh T cũng không có biện pháp nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Phạm Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn T.

[4] Về con chung: chị Phạm Lê Thị H và anh Nguyễn T có hai con chung: Nguyễn Anh Q, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2006 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2009, hai con hiện đang ở với chị H. Chị H yêu cầu được nuôi hai con, theo nguyện vọng của cháu Q và cháu B muốn được ở với chị H nên giao hai con cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ:

- Chị Phạm Lê Thị H không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

- Trong thời kỳ hôn nhân, chị H và anh T không nợ ai, không ai nợ chị H và anh T.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sung vào ngân sách nhà nước.

* Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Chị Phạm Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn T.

2. Giao hai con chung: Nguyễn Anh Q, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2006 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2009, hai con hiện đang ở với chị H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tiền án phí: Chị Phạm Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001023 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định.

Đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Mậu

Phạm Thị Tuyết Mai

Võ Duy Minh

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện T;
- CC THADS H.T;
- Phòng KTNV và THA
TAND tỉnh Bình Định;
- UBND xã P, H. T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện T;
- CC THADS H.T;
- UBND xã Phước Lộc, H.T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh

